

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019

của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hudeco

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hudeco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hudeco, được lập ngày 16 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink signature of Lê Mạnh Hùng.

Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020.

Lê Mạnh Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4301-2018-137-1

101312101

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HUDECO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		10.006.246.123	8.752.391.641
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.699.311.173	2.672.764.896
1. Tiền	111		331.742.134	99.996.637
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.367.569.039	2.572.768.259
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.676.633.714	5.775.601.999
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	7.676.633.714	5.775.601.999
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		550.017.351	198.613.352
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	134.899.500	31.900.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	415.117.851	166.713.352
IV. Hàng tồn kho	140		17.893.885	13.824.825
1. Hàng tồn kho	141	5.5	17.893.885	13.824.825
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.390.000	91.586.569
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	62.390.000	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	-	91.586.569
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		14.578.859.203	15.286.544.814
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.692.706.711	14.398.596.071
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	7.263.167.747	7.802.803.278
- Nguyên giá	222		14.049.509.401	14.015.959.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.786.341.654)	(6.213.156.123)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	6.429.538.964	6.595.792.793
- Nguyên giá	228		8.311.238.000	8.311.238.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.881.699.036)	(1.715.445.207)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		333.300.000	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	333.300.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		552.852.492	887.948.743
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	552.852.492	887.948.743
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		24.585.105.326	24.038.936.455

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.197.529.104	828.203.039
I. Nợ ngắn hạn	310		1.197.529.104	828.203.039
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	142.997.800	12.342.099
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	226.289.816	2.221.148
4. Phải trả người lao động	314		627.403.588	623.868.153
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	133.116.798	172.017.927
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		67.721.102	17.753.712
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		23.387.576.222	23.210.733.416
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	23.387.576.222	23.210.733.416
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.000.000.000	19.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.000.000.000	19.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.439.249.027	1.277.379.259
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		92.656.380	93.390.612
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.855.670.815	2.839.963.545
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		179.963.545	137.381.932
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.675.707.270	2.702.581.613
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		24.585.105.326	24.038.936.455

Người lập



Nguyễn Thị Hồng Diễm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Đỗ Thị Nga

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	11.763.838.200	10.918.301.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.15	11.957.000	11.952.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.15	11.751.881.200	10.906.349.000
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	7.869.336.691	6.804.371.943
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.882.544.509	4.101.977.057
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	521.302.614	474.199.794
7. Chi phí tài chính	22	5.17	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	748.646.177	1.072.852.213
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		3.655.200.946	3.503.324.638
11. Thu nhập khác	31		-	164.339.012
12. Chi phí khác	32		155.224	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(155.224)	164.339.012
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		3.655.045.722	3.667.663.650
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.19	417.650.356	397.752.443
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.237.395.366	3.269.911.207
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.20	1.542	1.558

Người lập



Nguyễn Thị Hồng Diễm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2020



Đỗ Thị Nga